TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

Số: 64/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

P, ngày 31 tháng 05 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 86/2019/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 05 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

2.2 Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con sau khi ly hôn:

Về nuôi con: Chị B, anh T thỏa thuận: Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Như T, sinh ngày 30/11/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh T đối với chị B cho đến khi có yêu cầu.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, chị B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Chị B, anh T đều xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về công nợ chung: Chị B, anh T đều xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 Về án phí ly hôn sơ thẩm: Hai bên đương sự đều nhất trí việc chị B tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, chị B đề nghị được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp và được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000779 ngày 06 tháng 05 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Sái Đức Trung